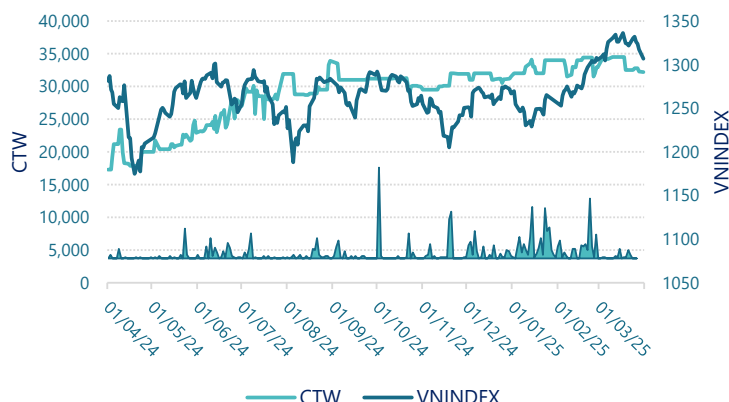


CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ (UPCOM: CTW)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	32,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,298
SL cổ phiếu LH	27,998,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)	70
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	902
P/E	10.4
EPS	3,090

DT thuần

Q1/25

106

tỷ VNĐ

QoQ: ▼22.0| -17.4%

YoY: ▼31.0| -22.9%

LN sau thuế

Q1/25

27.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲12.4| 82.6%

YoY: ▼2.40| -8.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

28.5%

+/- YoY: ▲ 8.4%

DT thuần

2024

496

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 167| 50.8%

LN sau thuế

2024

103

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 61.5| 149%

ROE

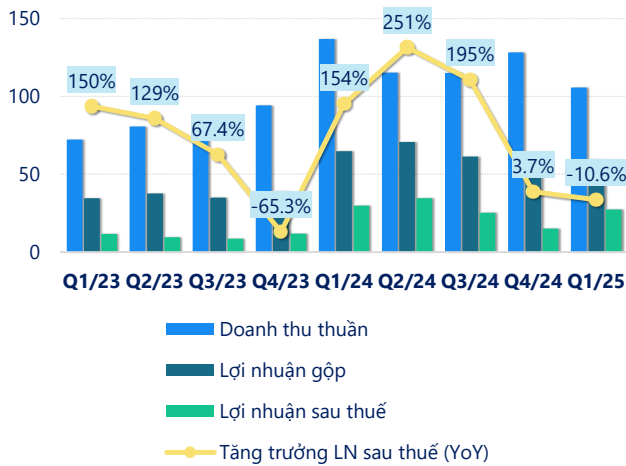
2024

16.7%

+/- YoY: ▲ 9.6%

tỷ VNĐ

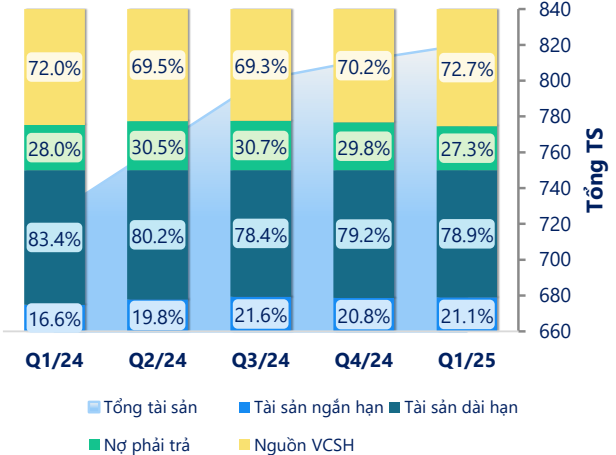
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

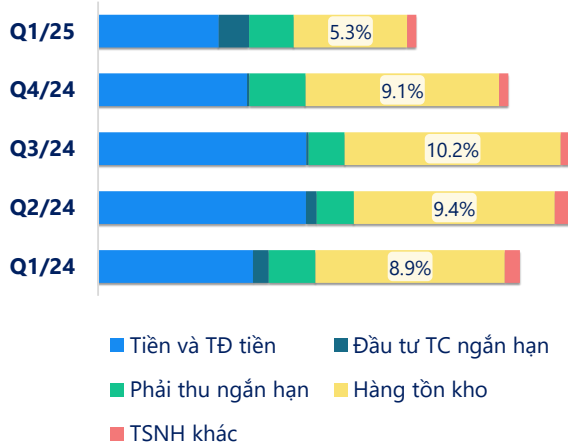
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



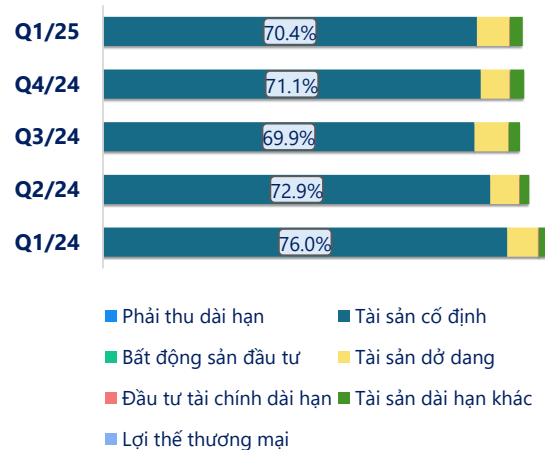
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

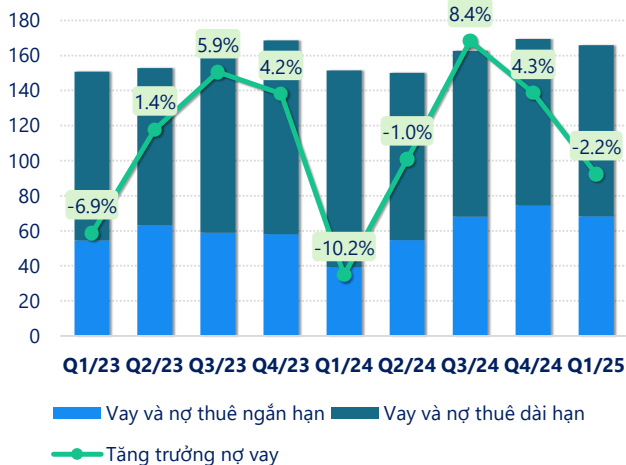
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

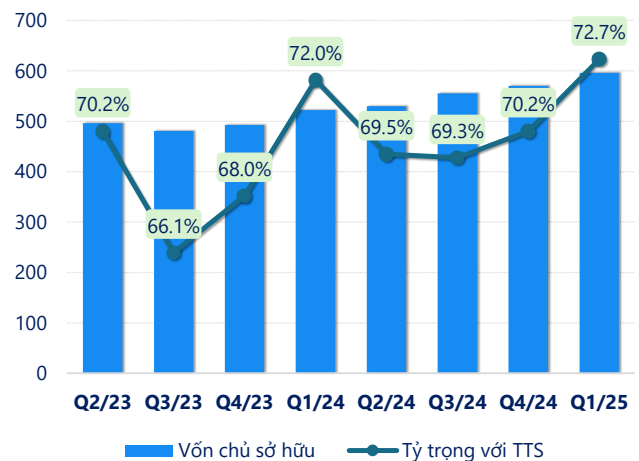
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

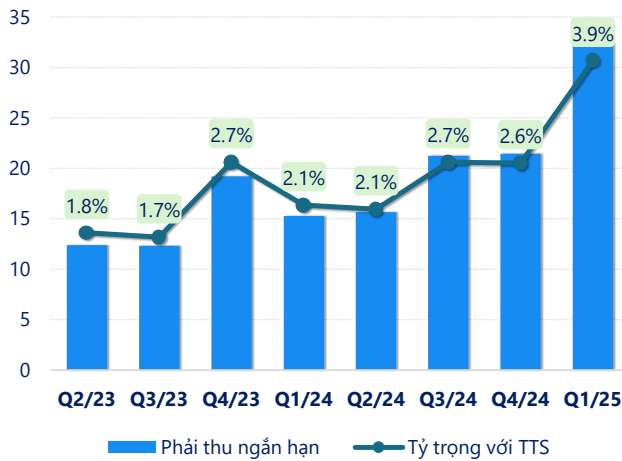
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



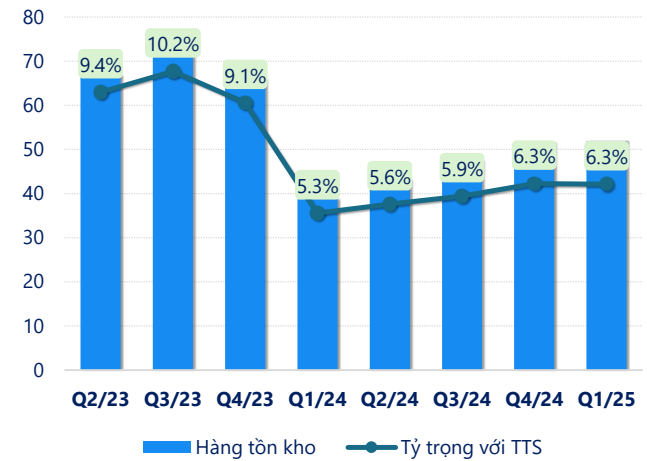
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


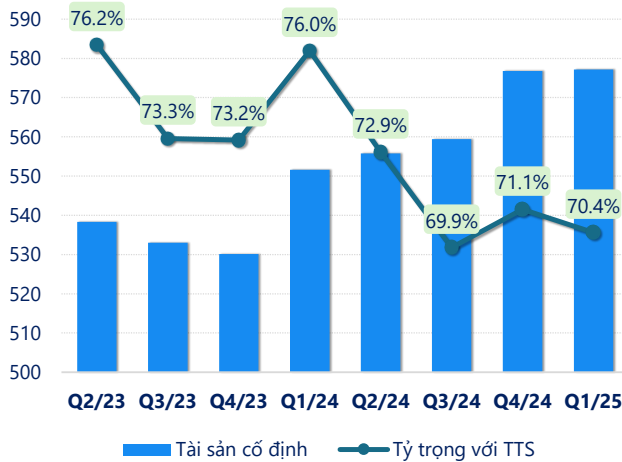
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


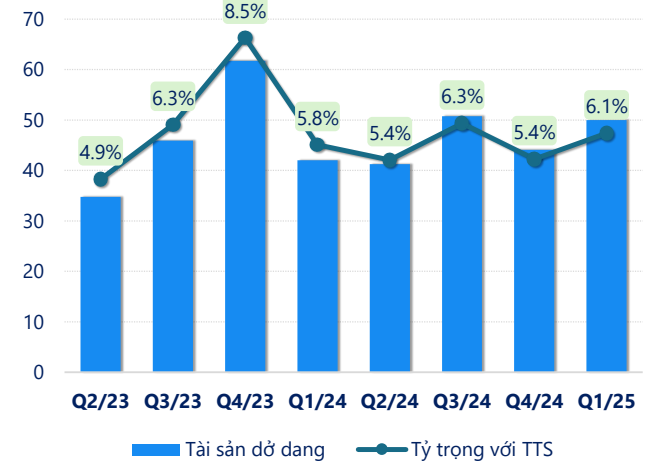
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

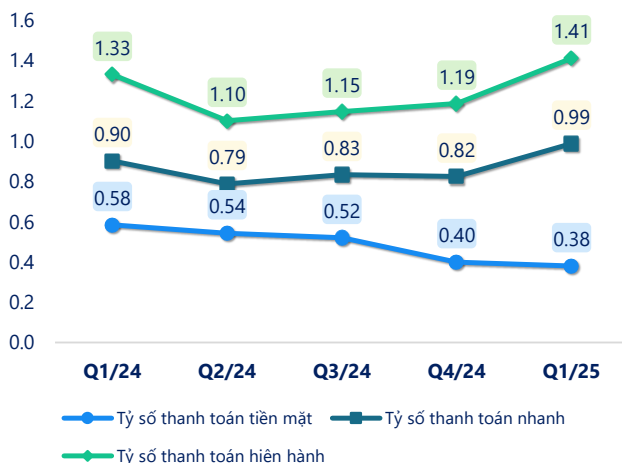
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

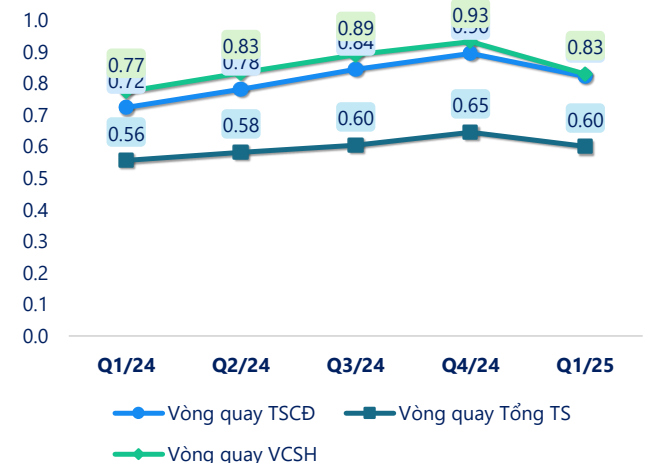
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	726	763	800	812	820
Tài sản ngắn hạn	120	151	173	169	173
Tiền và tương đương tiền	52.8	74.5	78.3	56.8	46.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.3	14.8	22.9	35.9	39.9
Phải thu ngắn hạn	15.3	15.7	21.2	21.4	32.4
Hàng tồn kho	38.7	43.1	47.4	51.5	51.9
Tài sản ngắn hạn khác	3.13	3.10	2.97	3.08	2.26
Tài sản dài hạn	605	612	628	643	648
Phải thu dài hạn	0.09	0.04	0.04	0	0
Tài sản cố định	552	556	559	577	577
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	42.0	41.3	50.8	44.1	50.0
Đầu tư tài chính dài hạn	0.88	0.88	0.88	0.88	0.88
Tài sản dài hạn khác	10.7	13.8	16.6	21.1	19.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	203	233	246	242	224
Nợ ngắn hạn	90.4	137	151	142	122
Vay và nợ thuê ngắn hạn	39.1	54.7	68.1	74.3	68.3
Phải trả người bán ngắn hạn	8.13	12.2	15.1	18.7	9.01
Nợ dài hạn	113	95.9	95.0	99.5	102
Vay và nợ thuê dài hạn	112	95.4	94.5	95.2	97.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	522	530	555	570	596
Vốn chủ sở hữu	522	530	555	570	596
Vốn điều lệ	280	280	280	280	280
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)